

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ

Ông Võ Văn Liềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài– Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa:

- Nguyên đơn: anh **Cao Văn T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: chị **Huỳnh Thị Kim T1**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Cao Văn T như sau: Anh T và chị Huỳnh Thị Kim T1 tình cờ gặp nhau ở Cà Mau năm 2019 và quen biết, tìm hiểu nhau được hơn một năm thì anh chị có tình cảm với nhau và anh chị quyết định tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau năm 2020, anh T và chị T1 không có tổ chức đám cưới nhưng anh chị đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 19/01/2023. Anh chị sống hạnh phúc từ năm 2020 đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là hai người không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chị T1 đã bỏ đi sống ly thân với anh từ tháng 4/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T và chị T1 không

có gặp nhau và anh T cũng đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì anh T đã không còn tình cảm với chị T1 nên anh T quyết định ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh T khai trong quá trình sống chung với chị Kim T1 thì vợ chồng anh có một người con chung tên Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021 do chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi vợ chồng ly thân tháng 4/2023 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung anh T xác định là không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Cao Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân anh T yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1. Về con chung anh T đồng ý giao con chung tên Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có và nợ chung không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng chị T1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử chấp cho anh Cao Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1. Về con chung giao con chung tên Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Cao Văn T yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1. Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Huỳnh Thị Kim T1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Cao Văn T và chị Huỳnh Thị Kim T1 tình cờ gặp nhau ở Cà Mau năm 2019 và quen biết, tìm hiểu nhau được hơn một năm thì anh chị có tình cảm với nhau và anh chị quyết định tự nguyện sống chung với nhau năm 2020, anh T và chị T1 không có tổ chức đám cưới nhưng anh chị đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V số 08 ngày 19/01/2023 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh T được ly hôn với chị Kim T1 do hai người không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chị T1 đã bỏ đi sống ly thân với anh từ tháng 4/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì anh T đã không còn tình cảm với chị T1 nên anh T quyết định ly hôn với chị T1. Đối với chị Kim T1, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị Kim T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh T cho rằng không thể hàn gắn đời sống hôn nhân được nữa và anh T cũng không còn tình cảm với chị Kim T1; anh T cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị Kim T1. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa anh T, chị T1 mới phát sinh sự bất đồng quan điểm và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: anh T khai vợ chồng anh có một người con chung tên Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021, anh T cho rằng con chung là được chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 4/2023 đến nay và cháu Cao Thành T2 vẫn phát triển bình thường về mọi mặt nên anh T đồng ý giao con cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy chị T1 là người đang trực tiếp nuôi con và anh T tự nguyện giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét

xử giao Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4]Về cấp dưỡng: anh T không cấp dưỡng nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 đều vắng mặt và chị T1 cũng không có gửi bản ý kiến liên quan đến yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6]Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T1 Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy chị T1 thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị T1 theo quy định nhưng chị T1 vẫn không có mặt không có lý do và chị T1 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của chị.

[7]Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bằng 300.000đồng anh T phải nộp do anh T có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 177, Điều 179, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Cao Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Thành T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị Huỳnh Thị Kim T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng: Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Cao Văn T phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0006051 ngày

28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí HNST.

5. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 21/02/2025. Chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh